

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1986

- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Tổ 31 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Trần Văn Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau. Trong cuộc

sống vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm cũng như về kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện nay đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay bà C và ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về quan hệ con chung: Bà C và ông Th xác định có 3 con Trần Như Quỳnh Tr; Trần Thị Quỳnh A và Trần Như Quỳnh Tr. Ly hôn, bà C và ông Th thỏa thuận: Giao 3 cháu Trần Như Quỳnh Tr - sinh ngày 04/08/2001; Trần Thị Quỳnh A - sinh ngày: 04/02/2006 và Trần Như Quỳnh Tr1 - sinh ngày: 16/09/2015 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà C và ông Th tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị C và ông Trần Văn Th xác định không có.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị C và ông Trần Văn Th không có.

Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà C và ông Th mỗi người phải chịu 150.000đ.Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007520 ngày 04/12/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự quận Sơn Trà. TP Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (của Trung tâm hòa giải), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Trần Văn Th thống nhất thuận tình ly hôn(giấy chứng nhận kết hôn số 162/2004,ngày 15/11/2004 tại UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng không còn giá trị).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà C và ông Th như sau: Giao 3 con Trần Như Quỳnh Tr - sinh ngày 04/08/2001;Trần Thị Quỳnh A - sinh ngày: 04/02/2006 và Trần Như Quỳnh Tr1 - sinh ngày: 16/09/2015 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về Lệ phí Tòa án:Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà C và ông Th mỗi người phải chịu 150.000đ. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0007520 ngày 04/12/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự quận Sơn Trà. TP Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Bắc;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh

